BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI QUẢNG NGÃI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN SAO

MỤC LỤC

	TRANG
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 – 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 21

Công ty Cổ phần LICOGI QUẢNG NGÃI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BẢN SAO

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần LICOGI QUẢNG NGÃI (" Công ty ") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty (sau đây gọi tắt là " Báo cáo tài chính") vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty CỔ PHẦN LICOGI QUẢNG NGÃI là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300208207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp vào ngày 22 tháng 05 năm 2005, trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 742/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 04 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là : Đầu tư quản lý, kinh doanh phát triển nhà. Khai thác các loại đá khác. Mua bán các loại vật liệu xây dựng khác. Mua bán cát sỏi; Mua bán gạch, ngói; Mua bán Xi măng; Sản xuất gạch bằng lò Tuy nen; Sản xuất gạch ngói (bằng phương pháp thủ công); Trang trí nội thất; Vận tải hàng hóa. Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng; Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...); Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, khu đô thị. Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện. Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng trạm biến thế và đường dây.

Công ty có trụ sở chính tại số 35 đường Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến hết 31/12/2012 được trình bày tại trang 8 của Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Tuấn Đương	Chủ tịch	Đắc cử ngày 21/8/2010
Ông Đỗ Văn Hùng	P. Chủ tịch	Đắc cử ngày 21/8/2010
Ông Đặng Hữu Thuần	Ủy viên	Tái đắc cử ngày 19/05/2008
Ông Hồ Văn Kiều	Ủy viên	Tái đắc cử ngày 19/05/2008
Ông Nguyễn Ngọc Thiên	Ủy viên	Tái đắc cử ngày 19/05/2008

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Văn Hùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/08/2010
Ông Đặng Hữu Thuần	P. Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2008
Ông Nguyễn Ngọc Thiên	P. Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/07/2008
Ông Hồ Văn Kiều	P. Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/07/2008

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Tăng Trưởng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/04/2010
Ông Tạ Công Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/03/2009
Bà Dương Thị Thường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2008

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính .

BẢN SAO

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O được chỉ định là đơn vị kiểm toán độc lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính ; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính .

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI QUẢNG NGÃI

Đỗ Văn Hùng
Giám đốc

Ngày 02 tháng 03 năm 2013.

AUDIT – LEGAL ADVICE – VALUATION

BẢN SAO

SỐ 02.13.05/ITO-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần LICOGI QUẢNG NGÃI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần LICOGI QUẢNG NGÃI ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi là "các báo cáo tài chính ") được trình bày từ trang 4 đến trang 21. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ các ảnh hưởng do quý Công ty chưa thực hiện nghiệp vụ dự phòng đối với các khoản nợ chưa thu được kéo dài trên 01 năm, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các Báo cáo này đã được trình bày và soạn thảo phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, tuân thủ các quy định có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O

Võ Hồng Quân
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số D0204/KTV

Lê Thị Minh Nguyệt
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1844/KTV

CÔNG TY CP LICOGI QUẢNG NGÃI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CỤC THUẾ QUẢNG NGÃI
DÃ NHẬN HỒ SƠ
Ngày 20/3/2013

BẢN SAO

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**42.931.116.956**	**40.439.079.523**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**4.044.551.296**	**700.004.789**
1. Tiền	111	V.1	4.044.551.296	700.004.789
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	**130**		**23.020.891.387**	**27.286.505.320**
1. Phải thu khách hàng	131		14.127.523.038	21.665.789.701
2. Trả trước cho người bán	132		1.864.070.274	2.326.347.652
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	7.361.383.122	3.626.453.014
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(332.085.047)	(332.085.047)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**12.909.245.638**	**9.878.475.926**
1. Hàng tồn kho	141	V.3	12.909.245.638	9.878.475.926
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.956.428.635**	**2.574.093.488**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.956.428.635	2.574.093.488
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**17.149.171.819**	**18.494.432.200**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

Bản thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này.

CÔNG TY CP LICOGI QUẢNG NGÃI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	**220**		**13.758.975.626**	**14.651.862.205**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	9.114.009.732	9.992.457.752
- Nguyên giá	*222*		*26.104.878.995*	*24.913.489.844*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(16.990.869.263)*	*(14.921.032.092)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	2.350.050.000	2.350.050.000
- Nguyên giá	*228*		*2.432.550.000*	*2.432.550.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		*(82.500.000)*	*(82.500.000)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	2.294.915.894	2.309.354.453
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.390.196.193**	**3.842.569.995**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.390.196.193	3.842.569.995
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**60.080.288.775**	**58.933.511.723**

CÔNG TY CP LICOGI QUẢNG NGÃI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN SAO

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**39.465.212.444**	**36.525.878.763**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**37.478.924.444**	**33.859.749.126**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	17.415.396.507	10.182.225.738
2. Phải trả người bán	312		13.802.298.312	14.139.643.977
3. Người mua trả tiền trước	313		178.387.000	1.533.045.225
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.9	942.158.038	2.133.084.765
5. Phải trả người lao động	315		514.238.114	612.480.455
6. Chi phí phải trả	316	V.10	437.473.901	18.599.422
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.11	4.420.126.873	5.516.572.936
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(231.154.301)	(275.903.392)
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.986.288.000**	**2.666.129.637**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		26.000.000	28.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	1.960.288.000	2.563.456.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	74.673.637
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**20.615.076.331**	**22.407.632.960**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.13	**20.615.076.331**	**22.407.632.960**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.935.400.000	18.935.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ(*)	414		(3.400.000)	(3.400.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-

CÔNG TY CP LICOGI QUẢNG NGÃI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.457.680.841	1.316.697.580
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		107.687.788	107.687.788
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		117.707.702	2.051.247.592
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	**430**		**60.080.288.775**	**58.933.511.723**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữa hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký giử		8.944.250	8.944.250
4. Nợ khó đòi đã xử lý		965.539.804	965.539.804
7. Ngoại tệ các loại			
+ USD			
+ JPY			
8. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số Chứng Thực 1315 Quyển Số 01 SCT/SGT
Ngày 26 Tháng 03 năm 13
CHỦ TỊCH

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng **Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI QUẢNG NGÃI

LƯƠNG THỊ MINH SONG **ĐỖ VĂN HÙNG**

Phạm Viết Ất

Bản thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này.

CÔNG TY CP LICOGI QUẢNG NGÃI

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN SAO

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	3
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**66.089.628.461**	**60.967.980.157**
2. Các khoản giảm trừ	02		118.144.650	*172.973.600*
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-	**10**	VI.13	**65.971.483.811**	**60.795.006.557**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	59.588.258.880	52.533.485.694
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**6.383.224.931**	**8.261.520.863**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	1.922.742.046	751.240.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.16	2.287.610.236	505.116.888
- Trong đó chi phí lãi vay :	*23*		*2.287.610.236*	*505.116.888*
8. Chi phí bán hàng	24		1.153.964.897	1.194.535.230
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.507.891.058	4.457.483.526
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	**30**		**356.500.786**	**2.855.625.959**
11. Thu nhập khác	31		548.097.888	174.163.291
12. Chi phí khác	32		393.074.179	154.733.642
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**155.023.709**	**19.429.649**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50a=30+40)	**50a**		**511.524.495**	**2.875.055.608**
- Các khoản chi phí không hợp lệ			-	253.528.017
14b. Tổng lợi nhuận chịu thuế TNDN	**50b**		**511.524.495**	**3.128.583.625**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.17	127.881.124	547.173.805
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50a-51-52	**60**		**383.643.371**	**2.327.881.803**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.18	**203**	**1.405**

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng | **Giám đốc**

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI QUẢNG NGÃI

LƯƠNG THỊ MINH SONG | **ĐỖ VĂN HÙNG**

CÔNG TY CP LICOGI QUẢNG NGÃI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BẢN SAO

Niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ	Năm 2012	Năm 2011
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	71.184.487.287	44.863.250.067
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(21.585.749.668)	(28.217.535.965)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.459.086.760)	(9.170.649.793)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.683.980.229)	(133.802.830)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.872.243.101	12.855.540.817
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.068.926.354)	(20.734.025.738)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**36.258.987.377**	**(537.223.442)**
II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(698.885.066)	(670.803.170)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại CC nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.485.831	81.571.779
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(676.399.235)**	**(589.231.391)**
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của CSH	31	-	1.983.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6.096.533.989	7.471.442.726
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38.334.575.624)	(8.630.069.200)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(32.238.041.635)**	**824.373.526**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**3.344.546.507**	**(302.081.307)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**700.004.789**	**1.002.086.096**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**4.044.551.296**	**700.004.789**

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng	Giám Đốc
LƯƠNG THỊ MINH SONG	ĐỖ VĂN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI QUẢNG NGÃI

Bản thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này.

BẢN SAO

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

CÔNG TY

Công ty CỔ PHẦN LICOGI QUẢNG NGÃI là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300208207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp vào ngày 22 tháng 05 năm 2005, trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 742/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 04 năm 2005.

Hoạt động chính của Công ty là : Đầu tư quản lý, kinh doanh phát triển nhà. Khai thác các loại đá khác. Mua bán các loại vật liệu xây dựng khác. Mua bán cát sỏi; Mua bán gạch, ngói; Mua bán Xi măng; Sản xuất gạch bằng lò Tuy nen; Sản xuất gạch ngói (bằng phương pháp thủ công); Trang trí nội thất; Vận tải hàng hóa. Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng; Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống ...); Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, khu đô thị. Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện. Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng trạm biến thế và đường dây.

Công ty có trụ sở chính tại số 35 đường Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán

2.1 Niên độ kế toán :

Niên độ kế toán hàng năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán :

Công ty sử dụng tiền Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính Việt Nam.

3.2 Hình thức sổ kế toán :

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung cho việc ghi sổ kế toán.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Công ty đã tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định tại chế độ kế toán Việt Nam mà Công ty đang áp dụng cùng các quy định khác có liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các quy định tại Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành :

BẢN SAO

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

4.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

4.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

4.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .

4.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .

BẢN SAO

4.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
Phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 05 năm
Quyền sử dụng đất	Khấu trừ theo số năm được phép sử dụng

4.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

4.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 *Trích trước trợ cấp mất việc làm*

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho những người lao động làm việc tại Công ty theo chế độ hợp đồng lao động có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Mức trích theo quy định từng thời kỳ.

Kể từ 01/01/2009, Công ty ngưng trích trợ cấp mất việc làm do đã thực hiện chế độ Bảo hiểm thất nghiệp cho những nhân viên này.

4.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài chính, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá quy định tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .

4.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại

BẢN SAO

kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi khác, v v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

4.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

4.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập

BẢN SAO

hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính .

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

4.16 *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích quỹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

BẢN SAO

Đơn vị tính: VNĐ

V. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Bao gồm:

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	272.142.051	248.455.399
Tiền gửi ngân hàng	3.772.409.245	451.549.390
Trong đó: Tiền Việt Nam	*3.772.409.245*	*451.549.390*
Tiền ngoại tệ	-	-
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	***4.044.551.296***	***700.004.789***

2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Phải thu về cổ phần hóa	63.912.500	101.925.000
Phải thu khác	7.297.470.622	3.524.528.014
Trong đó:		
Cho các đội vay theo khối lượng thi công, cho CBCVN vay	*1.206.016.148*	*1.168.691.148*
Vật tư cấp cho đội, lãi cho vay, BH và các khoản khác	*5.984.919.265*	*2.289.378.807*
Các khoản phải thu khác	*106.535.209*	*66.458.059*
Tổng cộng	***7.361.383.122***	***3.626.453.014***

3. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.975.110.768	2.842.786.147
Công cụ, dụng cụ	31.823.514	32.171.132
Chi phí SX, KD dở dang	8.387.629.877	4.677.890.624
Thành phẩm	1.514.681.479	2.325.628.023
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-
Tổng cộng	**12.909.245.638**	**9.878.475.926**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	***12.909.245.638***	***9.878.475.926***

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	**8.821.820.330**	**6.328.644.428**	**9.419.552.679**	**343.472.407**	**-**	**24.913.489.844**
Mua trong năm		615.808.273		18.105.455		633.913.728
Đầu tư XDCB	636.456.378					636.456.378
Tăng khác						-
Thanh lý nhượng bán						-
Giảm khác	(40.465.500)		(38.515.455)			(78.980.955)
Số dư cuối năm	**9.417.811.208**	**6.944.452.701**	**9.381.037.224**	**361.577.862**	**-**	**26.104.878.995**
II. Giá trị HM luỹ kế						-
Số dư đầu năm	**6.111.317.868**	**5.367.360.077**	**3.207.726.793**	**234.627.354**	**-**	**14.921.032.092**
KH trong năm	241.431.619	421.552.504	1.418.306.022	43.685.840		2.124.975.985
Tăng khác						-
Thanh lý nhượng bán						-
Giảm khác	(27.921.225)		(27.217.589)			(55.138.814)
Số dư cuối năm	**6.324.828.262**	**5.788.912.581**	**4.598.815.226**	**278.313.194**	**-**	**16.990.869.263**
III. Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	2.710.502.462	961.284.351	6.211.825.886	108.845.053	-	9.992.457.752
Tại ngày cuối năm	3.092.982.946	1.155.540.120	4.782.221.998	83.264.668	-	9.114.009.732

Nguyên giá TSCĐ đến thời điểm cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : **2.337.472.164**

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Công nghệ làm sạch	Thương hiệu của Licogi	.....	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu năm	**2.132.550.000**	**-**	**300.000.000**	**-**	**-**	**2.432.550.000**
Mua trong năm						-
Giảm khác						-
Số dư cuối năm	**2.132.550.000**	**-**	**300.000.000**	**-**	**-**	**2.432.550.000**
II. Giá trị HM luỹ kế						
Số dư đầu năm	**-**	**-**	**82.500.000**	**-**	**-**	**82.500.000**
KH trong năm						-
Giảm khác			-			-
Số dư cuối năm	**-**	**-**	**82.500.000**	**-**	**-**	**82.500.000**
III. Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	2.132.550.000	-	217.500.000	-	-	2.350.050.000
Tại ngày cuối năm	2.132.550.000	-	217.500.000	-	-	2.350.050.000

Đơn vị tính: VNĐ

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
Dự án nhà máy gạch Phong Niên 2	2.164.637.916	1.730.727.502
Công trình khác	130.277.978	578.626.951
Tổng cộng	***2.294.915.894***	***2.309.354.453***

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí dài hạn phân bổ	1.545.917.380	1.848.291.182
Lãi vay phải trả TCT Licogi các năm từ 2009 chưa trả, chưa phân bổ	1.844.278.813	1.994.278.813
Tổng cộng	***3.390.196.193***	***3.842.569.995***

Tổng số chi phí trả trước đã phân bổ vào chi phí năm 2012 là: *1.397.229.297*

8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn		
Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi. Kỳ hạn vay từ 4 đến 12 tháng.	16.812.228.507	9.579.057.738
Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2013	603.168.000	603.168.000
Tổng cộng	***17.415.396.507***	***10.182.225.738***

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	127.881.124	384.862.856
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	650.235.043	1.273.078.519
Thuế tài nguyên	73.163.545	207.650.000
Thuế nhà đất	-	16.780.390
Các loại thuế khác	85.011.750	249.180.000
Thuế thu nhập cá nhân	5.866.576	1.533.000
Tổng cộng	***942.158.038***	***2.133.084.765***

10. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí phải trả trong kỳ	437.473.901	18.599.422
Trong đó:		
Trích trước chi phí công trình đã ghi nhận DT	437.473.901	
Chi phí trích trước khác	-	18.599.422
Tổng cộng	***437.473.901***	***18.599.422***

11. Các khoản phải trả phải, nộp khác

	31/12/2012	01/01/2012
- Kinh phí công đoàn	171.184.569	115.471.430
- Bảo hiểm xã hội	121.430.967	291.829.106
- Bảo hiểm thất nghiệp	32.109.825	64.233.621
- Phải trả cổ phần hóa	108.425.000	-
- Phải trả khác:	3.986.976.512	5.045.038.779
Trong đó:		
Phải trả Tổng Công ty LICOGI	-	26.381.945
Cổ tức phải trả các cổ đông	*225.078.891*	642.454.000
Lãi vay phải trả Tổng Công ty LICOGI (trước 2010)	-	*610.015.600*
Lãi đã thu CBCNV về khoản vay mua cổ phiếu, chờ hoàn trả Cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu		-
Chứng từ chi phí các đội thi công nộp về Công ty chờ quyết toán	*3.750.037.616*	*3.756.924.804*
Các khoản khác	*11.860.005*	*9.262.430*
Tổng cộng	***4.420.126.873***	***5.516.572.936***

12. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Vay dài hạn (*)	2.563.456.000	3.166.624.000
Trừ đến hạn trả trong năm 2013	(603.168.000)	(603.168.000)
Tổng cộng	***1.960.288.000***	***2.563.456.000***

(*) : Khoản vay trung hạn tại BIDV Quảng Ngãi để đầu tư 5 xe chở cát, phục vụ cho mỏ cát Sơn Thượng.

Kỳ hạn vay là 06 năm kể từ ngày vay. Thanh toán làm 24 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 3 tháng.

Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất theo từng kỳ.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển và DPTC	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**9.467.700.000**	**(3.400.000)**	**988.684.727**	**1.373.492.414**	**11.826.477.141**
Tăng trong năm trước	**9.467.700.000**	**-**	**435.700.641**	**2.327.881.803**	**12.231.282.444**
Tăng vốn trong năm trước	9.467.700.000		435.700.641		
Lãi trong năm trước				2.327.881.803	2.327.881.803
Trích lập quỹ từ lợi nhuận			-		-
Tăng khác					-
Giảm trong năm trước	**-**	**-**	**-**	**1.650.126.625**	**1.650.126.625**
Giảm vốn trong năm trước					-

Trích lập các quỹ				529.007.625	529.007.625
Chia cổ tức				1.135.716.000	1.135.716.000
Giảm khác				(14.597.000)	(14.597.000)
Số dư cuối năm trước - số dư đầu năm nay	**18.935.400.000**	**(3.400.000)**	**1.424.385.368**	**2.051.247.592**	**22.407.632.960**
Tăng trong năm nay	-	-	**140.983.261**	**383.643.371**	**524.626.632**
Tăng vốn trong năm nay	-		140.983.261		**140.983.261**
Lãi trong năm nay				383.643.371	
Giảm trong năm nay	-	-	-	**2.317.183.261**	**2.317.183.261**
Giảm vốn trong năm nay		-			-
Lỗ trong năm nay					-
Trích lập các quỹ				423.983.261	
Chia cổ tức				1.893.200.000	
Giảm khác				-	
Số dư cuối năm nay	**18.935.400.000**	**(3.400.000)**	**1.565.368.629**	**117.707.702**	**20.615.076.331**

Chi tiết tiến độ góp vốn

Chủ đầu tư	Vốn điều lệ đã đăng ký (USD)	Năm nay		Năm trước	
		USD	VND	USD	VND
Tổng Công ty XD và PT hạ tầng			12.264.000.000		12.264.000.000
Vốn góp các cổ đông khác			6.668.000.000		6.668.000.000
Cổ phiếu quỹ			3.400.000		3.400.000
Cộng	-	-	**18.935.400.000**	-	**18.935.400.000**

VI. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

13. Doanh thu

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	24.873.004.535	27.944.837.795
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.700.512.618	6.415.850.793
Doanh thu hợp đồng xây dựng	25.397.966.658	26.434.317.969
Tổng cộng	***65.971.483.811***	***60.795.006.557***

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	21.658.485.196	21.739.927.921
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.748.410.641	5.635.950.395
Giá vốn hợp đồng xây dựng	24.181.363.043	25.157.607.378
Tổng cộng	***59.588.258.880***	***52.533.485.694***

Đơn vị tính: VNĐ

15. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	22.466.328	79.203.557
Lãi cho vay (nội bộ)	1.900.275.718	672.037.183
Tổng cộng	***1.922.742.046***	***751.240.740***

16. Chi phí hoạt động tài chính

Lãi vay ngân hàng	2.263.140.826	495.810.306
Lãi vay phải trả TCT trong niên độ	24.469.410	9.306.582
Tổng cộng	***2.287.610.236***	***505.116.888***

17. Chi phí thuế TNDN hiện hành

		Năm 2012	Năm 2011
Tổng lãi (lỗ) kế toán trước thuế		**511.524.495**	**2.875.055.608**
Các khoản điều chỉnh tăng để xác định LN chịu thuế TNDN		-	*253.528.017*
Các khoản điều chỉnh giảm để xác định LN chịu thuế TNDN		-	-
Tổng thu nhập chịu thuế		*511.524.495*	*3.128.583.625*
Trong đó :	*Khối VP Công ty*	1.318.446.795	*1.248.806.811*
	XN Gạch Phong Niên	(934.803.424)	*1.879.776.814*
Thuế TNDN phải nộp		*127.881.124*	*547.173.805*
Trong đó :	*Khối VP Công ty*		*312.201.703*
	XN Gạch Phong Niên (giảm 50%)		*234.972.102*
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		**383.643.371**	**2.327.881.803**

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**383.643.371**	**2.327.881.803**
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	-	-
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	**383.643.371**	**2.327.881.803**
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	*1.893.200*	*1.656.715*
Mệnh giá cổ phiếu	*10.000*	*10.000*
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**203**	**1.405**

Đơn vị tính: VNĐ

Thông tin về số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm :	Số lượng cổ phiếu	Số ngày lưu hành
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu kỳ	1.893.200	365
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ :	1.893.200	

VII THÔNG TIN KHÁC

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng	Giám đốc
LƯƠNG THỊ MINH SONG	ĐỖ VĂN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI QUẢNG NGÃI